

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 11 năm 2020

Về việc điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động do thay đổi, bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn của Trung tâm Y tế huyện Lập Vò năm 2020

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Đồng Tháp và Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc sửa đổi Khoản 4, Điều 4 Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế ban hành kèm theo 42/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế, Thông tư Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 50/2014/TT-BYT, ngày 26/12/2014 của Bộ Y tế về việc Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật; Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/05/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 35/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ Y tế Quy định phạm vi hoạt động chuyên môn đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Đơn đề nghị về việc điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động do thay đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức và phạm vi hoạt động chuyên môn và Công văn đề nghị phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục kỹ thuật năm 2020 của Trung tâm Y tế huyện Lập Vò;

Căn cứ Biên bản thẩm định điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động do thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Đoàn thẩm định đề cấp, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Lập Vò;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

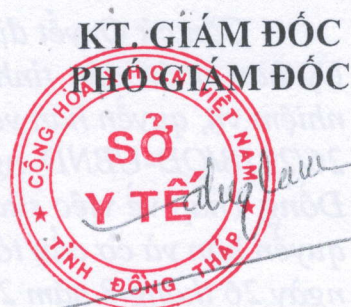
Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được triển khai thực hiện Trung tâm Y tế huyện Lập Vò năm 2020, gồm 191 kỹ thuật, trong đó 116 kỹ thuật đúng tuyến và 75 kỹ thuật vượt tuyến (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, thanh toán viện phí, bảo hiểm y tế, chuyển tuyến và để đơn vị phân đầu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Y tế, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế, Chánh Thanh tra Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Lập Vò chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Nguyễn Văn...*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH Tỉnh;
- TTKSTTHC và PVHCC;
- Lưu: VT, NVY.



Tạ Tùng Lâm

DANH MỤC KỸ THUẬT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
được phép triển khai thực hiện tại Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò
năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1339/QĐ-SYT, ngày 25 /11/2020
của Sở Y tế Đồng Tháp)

1. Danh mục kỹ thuật đúng tuyến: 116 kỹ thuật

STT	TT theo TT21	TT theo TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
				A	B	C	D
			I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
			B. HÔ HẤP				
1		52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	x	x	x	x
2		62	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≥ 8 giờ)	x	x	x	x
3		87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường	x	x	x	
			G. XÉT NGHIỆM				
4		283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	x	x	x	
			E. TOÀN THÂN				
5		245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	x	x	x	
			L. TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU				
6	334		Chăm sóc ống thông bàng quang	x	x	x	x
			P. CHỐNG ĐỘC				
7	362		Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc	x	x	x	
8	363		Điều trị giảm nồng độ canxi máu	x	x	x	
9	369		Xét nghiệm định tính một chỉ tiêu ma túy trong nước tiểu	x	x	x	
			II. NỘI KHOA				
			D. THẬN TIẾT NIỆU				
10		170	Chăm sóc và bảo quản catheter TMTT trong lọc máu	x	x	x	
11		171	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff trong lọc máu	x	x	x	
			E. CƠ XƯƠNG KHỚP				
12		361	Hút nang bao hoạt dịch	x	x	x	
13		363	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm	x	x	x	
			III. NHI KHOA				
			I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
			B. HÔ HẤP				
14		79	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi	x	x	x	
15		84	Chọc thăm dò màng phổi	x	x	x	

			G. XÉT NGHIỆM ĐỘC CHẤT NHANH				
16		214	Định tính chất độc trong nước tiểu bằng test nhanh	x	x	x	
17		217	Định tính chất độc trong máu bằng test nhanh	x	x	x	
			IX. MẮT				
18		1658	Lấy dị vật giác mạc	x	x	x	
			X. RĂNG HÀM MẶT				
			A. RĂNG				
19		1922	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	
20		1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
			XIII. NỘI KHOA				
			B. TIM MẠCH – HÔ HẤP				
21		2331	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
			XV. UNG BƯỚU- NHI				
			A. ĐẦU CỔ				
22		2456	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
			C. HÀM – MẶT				
23		2536	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x	x	
			XVIII. DA LIỄU				
			B. ĐIỀU TRỊ NGOẠI KHOA DA LIỄU				
24		3024	Thay băng người bệnh loét, loét da trên 20% diện tích cơ thể	x	x	x	
			XIX. NGOẠI KHOA				
			4. Bàn, ngón tay				
25		3710	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	x	x	x	
26		3711	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	x	x	x	
			XXIV. NỘI KHOA				
			K. DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH LÂM SÀNG				
27		4214	Hướng dẫn sử dụng bình xịt định liều	x	x	x	x
			XXVIII. NGOẠI KHOA				
28		4246	Tháo bột các loại	x	x	x	x
			VII. NỘI TIẾT				
			8. Các kỹ thuật trên người bệnh đái tháo đường				
29		220	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
30		230	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
31		232	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
32		233	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
			IX. GÂY MÊ HỒI SỨC				
			A. CÁC KỸ THUẬT				

33		98	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da	x	x	x	
			X. NGOẠI KHOA				
			B. TIM MẠCH – LỒNG NGỰC				
			6. Lồng ngực				
34		278	Phẫu thuật cắt u thành ngực	x	x	x	
			C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
			3. Bàng quang				
35		359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	x	x	x	
			D. TIÊU HÓA				
			2. Dạ dày				
36		451	Mở bụng thăm dò	x	x	x	
37		452	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	x	x	x	
38		463	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	x	x	x	
			4. Ruột non- Mạc treo				
39		486	Cắt ruột non hình chêm	x	x	x	
			5. Ruột thừa- Đại tràng				
40		511	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	x	x	x	
			E. THÀNH BỤNG – CƠ HOÀNH – PHỨC MẠC				
			1. Thành bụng – cơ hoành				
41		679	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x	
42		680	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	x	x	x	
43		681	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x	
44		682	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x	
45		697	Phẫu thuật cắt u thành bụng	x	x	x	
			G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
			12. Vùng cổ tay-bàn tay				
46		860	Thương tích bàn tay giản đơn	x	x	x	
47		862	Phẫu thuật làm mồm cụt ngón và đốt bàn ngón	x	x	x	
			XI. BÔNG				
			A. ĐIỀU TRỊ BÔNG				
			3. Các kỹ thuật khác				
48		80	Xử lý tại chỗ ki đầu tổn thương bông	x	x	x	x
49		81	Sơ cấp cứu bông do vôi tôi nóng	x	x	x	x
50		82	Sơ cấp cứu bông acid	x	x	x	x
51		83	Sơ cấp cứu bông do dòng điện	x	x	x	x
52		84	Chẩn đoán và điều trị sốc bông	x	x	x	
53		85	Chẩn đoán và cấp cứu bông đường hô hấp	x	x	x	
54		86	Chẩn đoán và cấp cứu bông đường tiêu hóa	x	x	x	
			C. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH				
55		116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	x	x	x	

			G. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH				
56	176		Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè	x	x	x	
			XII. UNG BƯỚU				
			A. ĐẦU-CỔ				
57		2	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
58		10	Cắt các u lành vùng cổ	x	x	x	
			C. HÀM - MẶT				
59		68	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x	x	
60		70	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	x	x	x	
61		92	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
			I. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
62		262	Cắt u nang thừng tinh	x	x	x	
63		263	Cắt nang thừng tinh một bên	x	x	x	
64		264	Cắt nang thừng tinh hai bên	x	x	x	
			L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP				
65		313	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
66		320	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	x	x	x	
67		322	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	x	x	x	
			XIII. PHỤ SẴN				
			B. PHỤ KHOA				
68		174	Cắt u vú lành tính	x	x	x	
69		175	Bóc nhân xơ vú	x	x	x	
			XIV. MẮT				
70		200	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	x
71		207	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	x
			XV. TAI - MŨI - HỌNG				
			A. TAI - TAI THẦN KINH				
72		51	Khâu vết rách vành tai	x	x	x	
73		54	Lấy dị vật tai (gậy mê/gậy tê)	x	x	x	
74		56	Chọc hút dịch vành tai	x	x	x	x
75		57	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	x
			B. MŨI-XOANG				
76		143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
			C. HỌNG-THANH QUẢN				
77		212	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x
78		213	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
79		214	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	x	x	x	
			D. ĐẦU CỔ				

80		301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	x	x	x	x
81		302	Cắt chỉ sau phẫu thuật	x	x	x	x
82		303	Thay băng vết mổ	x	x	x	x
83		304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	x	x	x	x
XVI. RĂNG - HÀM - MẶT							
A. RĂNG							
84		68	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x	
85		70	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
86		226	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
87		236	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement	x	x	x	x
B. HÀM MẶT							
88		296	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	
89		298	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x	
90		300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x	
91		301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x
92		334	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x	
93		335	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x	
XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG							
A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)							
94		26	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	x	x	x	
N. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)							
95	252		Xoa bóp áp lực hơi	x	x	x	x
XVIII. ĐIỆN QUANG							
B. CHỤP X-QUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)							
1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy							
96		123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	x
97		124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	x	x	x
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU							
A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU							
98		1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	x	x	x	
99		5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	x	x	x	

100		11	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
			C. TẾ BÀO HỌC				
101		162	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
			D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
102		279	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
103		280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
104		291	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
105		308	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
			XXIII. HÓA SINH				
			A. MÁU				
106		30	Định lượng Calci ion hóa	x	x	x	
107		50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity)	x	x	x	
			B. NƯỚC TIỂU				
108		173	Định tính Amphetamin (test nhanh)	x	x	x	x
109		188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)	x	x	x	x
110		201	Định lượng protein	x	x	x	
			XXIV. VI SINH				
			A. VI KHUẨN				
			6. Các vi khuẩn khác				
111		60	<i>Chlamydia</i> test nhanh	x	x	x	x
			XXIV. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG				
			E. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
112	356		Ký sinh trùng test nhanh	x	x	x	x
			XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
			D. BỤNG – TIÊU HOÁ				
			5. Ruột thừa				
113		187	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x	x	
114		188	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	x	x	x	
115		190	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng	x	x	x	
116		191	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	x	x	x	

2. Danh mục kỹ thuật vượt tuyển: 75 kỹ thuật

STT	TT theo TT 21	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
				A	B	C	D
			II. NỘI KHOA				
			E. CƠ XƯƠNG KHỚP				
1		374	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	x	x		
			D. THẬN TIẾT NIỆU				
2		169	Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu	x	x		
			III. NHI KHOA				
			I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
			A. TUẦN HOÀN				
3		19	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục 24 giờ	x	x		
4		20	Đo độ bão hòa oxy trung tâm cấp cứu	x	x		
			C. THẬN – LỌC MÁU				
5		127	Thận nhân tạo thường quy chu kỳ	x	x		
			V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
			B. TAI – MŨI – HỌNG				
6		992	Nội soi cầm máu mũi không sử dụng Meroxio (1 bên)	x	x		
7		993	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Meroxio (1 bên)	x	x		
			XV. UNG BƯỚU- NHI				
			A. ĐẦU CỔ				
8		2455	Cắt u da đầu lành, đường kính từ 5 cm trở lên	x	x		
			C. HÀM – MẶT				
9		2532	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x		
10		2533	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	x	x		
			G. TIÊU HÓA – BỤNG				
11		2668	Cắt u mạc treo không cắt ruột	x	x		
12		2670	Cắt đoạn ruột non do u	x	x		
13		2671	Mổ thăm dò ổ bụng, sinh thiết u	x	x		
14		2672	Cắt u nang mạc nối lớn	x	x		
			I. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
15		2711	Cắt u phần mềm bìu	x	x		
			XIX. NGOẠI KHOA				
			C. TIÊU HÓA – BỤNG				
			5. Bẹn – Bụng				
16		3385	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng	x	x		
17		3386	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	x	x		

18		3387	Phẫu thuật cắt u nang mạc nối lớn	x	x		
19		3388	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột không cắt ruột	x	x		
20		3389	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột có cắt nối ruột	x	x		
21		3397	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	x	x		
			E. CHÁN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
			8. Cổ chân, bàn chân, ngón chân				
22		3797	Tháo bỏ các ngón chân	x	x		
			Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
			5. Sinh dục				
23		3589	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt	x	x		
			9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)				
24		3816	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	x	x		
			G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				
25		3916	Cắt u nang bao hoạt dịch	x	x		
26		3920	Phẫu thuật lấy dị vật phần mềm	x	x		
			XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
			D. BỤNG – TIÊU HÓA				
27		4078	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc ruột thừa	x	x		
			XXIX. ĐIỆN QUANG				
28	4248		Siêu âm tim Doppler	x	x		
			X. NGOẠI KHOA				
			A. THẦN KINH – SỌ NÃO				
			1. Sọ não				
29		1	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	x	x		
			2. Phẫu thuật nhiễm trùng				
30		38	Phẫu thuật xử lý nhiễm khuẩn vết mổ	x	x		
			D. TIÊU HÓA				
			5. Ruột thừa- Đại tràng				
31		510	Các phẫu thuật ruột thừa khác	x	x		
32		513	Cắt túi thừa đại tràng	x	x		
			7. Tầng sinh môn				
33		557	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	x			
			E. THÀNH BỤNG – CƠ HOÀNH – PHÚC MẠC				
			1. Thành bụng – cơ hoành				
34		683	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	x	x		
35		686	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	x	x		
36		700	Các phẫu thuật thành bụng khác	x	x		
			XII. UNG BƯỚU				
			A. ĐẦU-CỔ				
37		3	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		

38		6	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm	x	x		
			C. HÀM - MẶT				
39		46	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản	x	x		
40		55	Cắt u máu – bạch mạch vùng hàm mặt	x	x		
41		62	Cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x		
42		69	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	x	x		
43		77	Cắt u môi lành tính có tạo hình	x	x		
			Đ. TAI - MŨI - HỌNG				
44		135	Cắt u lưỡi lành tính	x	x		
45		164	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	x	x		
46		165	Súc rửa vòm họng trong xạ trị	x	x		
			L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP				
47		314	Cắt u máu/u bạch mạch dưới da đường kính từ 5 - 10cm	x	x		
48		319	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x		
49		321	Cắt u bao gân	x	x		
			XIV. MẮT				
			THĂM DÒ CHỨC NĂNG VÀ XÉT NGHIỆM				
50		284	Định lượng LDH	x	x		
51		285	Xét nghiệm tỷ trọng	x	x		
52		286	Xét nghiệm pH	x	x		
			XVI. RĂNG – HÀM – MẶT				
			A. RĂNG				
53		37	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	x	x		
54		52	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trám xoay cầm tay	x	x		
55		199	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x		
56		200	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	x	x		
57		210	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng	x	x		
58		215	Cắt lợi di động để làm hàm giả	x	x		
			B. HÀM MẶT				
59		297	Phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hỏa khí	x	x		
			XVIII. ĐIỆN QUANG				
			A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
			3. Siêu âm ổ bụng				
60		25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	x	x		
			5. Siêu âm cơ xương khớp				
61		44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ...)	x	x		
			6. Siêu âm tim, mạch máu				
62		45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	x	x		
63		48	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	x	x		

			Đ. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP				
			5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm				
64		629	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
			XXII. HUYẾT HỌC – TRUYỀN MÁU				
			A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
65		23	Định lượng D-Dimer	x	x		
			C. TẾ BÀO HỌC				
66		122	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn (có nhuộm tiêu bản tự động)	x			
			D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
67		295	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
			G. TRUYỀN MÁU				
68		456	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu	x	x		
			XXIII. HÓA SINH				
			A. MÁU				
69		4	Định lượng ADH (Anti Diuretic Hormone)	x			
70		68	Định lượng FT3 (FreeTriiodothyronine)	x	x		
71		69	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	x	x		
72		103	Xét nghiệm Khí máu	x	x		
73		111	Đo hoạt độ LDH (Lactatdehydrogenase)	x	x		
74		142	Định lượng RF (Reumatoid Factor)	x	x		
			XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
			D. BỤNG – TIÊU HOÁ				
			5. Ruột thừa				
75		189	Phẫu thuật nội soi cắt lại môm ruột thừa	x	x		